

Số: 33/TANDTC-HTQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017

*V/v tổng đạt văn bản tố tụng cho
đương sự ở nước ngoài trong các vụ
việc dân sự, vụ án hành chính*

Kính gửi: - Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố
Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật tố tụng hành chính năm 2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/7/2016. Trong đó, quy định tại Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 303 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 cho phép Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài theo nhiều phương thức khác nhau, bao gồm: phương thức quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; phương thức bưu chính; phương thức thông qua người đại diện hợp pháp của đương sự hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của đương sự tại Việt Nam; phương thức thông qua cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và phương thức ngoại giao.

Ngày 01/10/2016, Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (sau đây viết tắt là Công ước tổng đạt giấy tờ) có hiệu lực với Việt Nam. Công ước này quy định việc tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án và giấy tờ của cơ quan, tổ chức khác từ một nước thành viên Công ước này cho đương sự ở nước thành viên khác của Công ước theo kênh tổng đạt chính thức và các kênh tổng đạt thay thế khác.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng đạt văn bản tố tụng theo phương thức quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Công ước tổng đạt giấy tờ và phương thức ngoại giao, ngày 19/10/2016, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-

BTP-BNG-TANDTC “Quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự” (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 12/2016). Thông tư liên tịch này có hiệu lực từ ngày 06/12/2016 và thay thế Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của Luật Tương trợ tư pháp”.

Để thi hành đúng và thống nhất các quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016, Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu Chánh án Tòa án nhân dân các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt các nội dung của Thông tư liên tịch số 12/2016 và một số nội dung quan trọng nêu tại Phần I của Công văn này tới toàn thể cán bộ, Thẩm phán thuộc quyền quản lý.

Đồng thời, khi tổ chức phổ biến, quán triệt các nội dung của Thông tư liên tịch số 12/2016, Tòa án nhân dân các cấp cần lưu ý các quy định về tổng đạt văn bản tố tụng của Thông tư liên tịch này không thay thế quy định về các phương thức tổng đạt tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm c, điểm d khoản 1 Điều 303 của Luật tố tụng hành chính năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân các cấp cần tham khảo thông tin tại Phần II của Công văn này để thực hiện các quy định nêu trên của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật tố tụng hành chính năm 2015. Cụ thể như sau:

I. Đối với Thông tư liên tịch số 12/2016

1. Thông tư liên tịch số 12/2016 được áp dụng đối với việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự là người nước ngoài ở nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo phương thức quy định tại 17 điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp, Công ước tổng đạt giấy tờ mà Việt Nam là thành viên và phương thức ngoại giao. Cụ thể:

1.1. Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng theo kênh chính thức của Công ước tổng đạt giấy tờ quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016 khi đương sự có nơi cư trú hoặc có trụ Sở tại 70 nước thành viên của Công ước này.

Danh sách các nước thành viên của Công ước tổng đạt giấy tờ được liệt kê tại Bảng số 1 gửi kèm theo Công văn này.

1.2. Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng theo kênh chính thức của điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với nước ngoài quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016 khi đương sự có nơi cư trú hoặc có trụ sở tại 18 nước, vùng lãnh thổ sau đây: Liên bang Nga, U-crai-na, Bê-la-rút, Ca-dắc-xtan, Mông Cổ, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Cu Ba, An-giê-ri, Pháp, Ba Lan, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, Séc, Trung Quốc, Xlô-va-ki-a, Lào, Cam-pu-chia và Đài Loan (Trung Quốc).

Tòa án cần lưu ý, hiện nay các nước Liên bang Nga, U-crai-na, Trung Quốc, Séc, Xlô-va-ki-a, Ba Lan, Bê-la-rút, Bun-ga-ri, Pháp, Hung-ga-ri và Ca-dắc-xtan cũng là thành viên của Công ước tổng đạt giấy tờ. Do đó, Tòa án có thể lựa chọn tổng đạt cho đương sự có nơi cư trú hoặc có trụ sở ở các nước này theo kênh chính thức của điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp giữa nước đó với Việt Nam hoặc theo kênh chính thức của Công ước tổng đạt giấy tờ đã được quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016.

1.3. Tòa án thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng theo phương thức ngoại giao quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016 nếu đương sự có nơi cư trú hoặc có trụ sở tại các nước chưa cùng với Việt Nam là thành viên của điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp và Công ước tổng đạt giấy tờ.

2. Trường hợp Tòa án có thể áp dụng phương thức tổng đạt văn bản tố tụng theo kênh tổng đạt chính thức của Công ước tổng đạt giấy tờ quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016 và phương thức tổng đạt theo đường bưu chính đã được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hoặc điểm c khoản 1 Điều 303 Luật tố tụng hành chính năm 2015:

2.1. Tòa án nên thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự là người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài theo kênh chính thức của Công ước tổng đạt giấy tờ đã được quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016 nếu đương sự cư trú hoặc có trụ sở tại nước thành viên Công ước tổng đạt giấy tờ mà nước đó không thu chi phí tổng đạt. Tuy nhiên, khi lập văn bản để tổng đạt văn bản tố tụng theo kênh chính thức của Công ước tổng đạt giấy tờ, Tòa án cần lưu ý, ô số (5) của văn bản lập theo Mẫu số 02/B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này là yêu cầu tổng đạt văn bản theo một phương thức cụ thể mà Tòa án đề nghị nước thành viên của Công ước tổng đạt giấy tờ thực hiện. Do đó, khi Tòa án điền vào ô số (5) của văn bản lập theo

Mẫu số 02 B nêu trên, thì các nước thành viên của Công ước tổng đạt giấy tờ mà Tòa án yêu cầu tổng đạt sẽ thu chi phí thực hiện. Vì vậy, trong mọi trường hợp, Tòa án chỉ nên điền vào ô số (4) của văn bản lập theo Mẫu số 02 B để được các nước thành viên của Công ước tổng đạt giấy tờ (không thu chi phí tổng đạt) thực hiện miễn phí việc tổng đạt.

2.2. Đối với các nước thành viên Công ước tổng đạt giấy tờ có thu chi phí thực hiện tổng đạt, nếu xét thấy mức chi phí tổng đạt mà nước đó thu là cao hơn nhiều so với chi phí tổng đạt theo đường bưu chính và nước đó không phản đối việc nước thành viên Công ước khác tổng đạt theo đường bưu chính, thì Tòa án có thể lựa chọn cách thức tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 303 Luật tố tụng hành chính năm 2015 để giảm bớt chi phí tổng đạt cho đương sự có nghĩa vụ nộp chi phí tổng đạt.

Danh sách các nước thành viên của Công ước tổng đạt giấy tờ không thu chi phí và có thu chi phí tổng đạt, mức thu chi phí tổng đạt được liệt kê tại Bảng số 2 và Bảng số 3 gửi kèm theo Công văn này.

3. Tòa án nhân dân cấp tỉnh áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng để thực hiện yêu cầu tổng đạt văn bản tố tụng và giấy tờ khác của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài do Bộ Tư pháp chuyển đến theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016. Trong mọi trường hợp, Tòa án cần phải thực hiện nhanh chóng, có chất lượng, hiệu quả loại yêu cầu này để hạn chế cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài áp dụng nguyên tắc có đi có lại với Việt Nam với lý do yêu cầu tổng đạt văn bản của nước đó không được Việt Nam thực hiện trong thời hạn hợp lý.

II. Đối với việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật tố tụng hành chính năm 2015

Ngoài những nội dung cơ bản của Thông tư liên tịch số 12/2016 nêu trên, Tòa án nhân dân tối cao cung cấp thêm một số thông tin để Tòa án nhân dân các cấp tham khảo khi thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 303 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 như sau:

1. Tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính cho người nước ngoài, công dân Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan, tổ chức nước ngoài ở nước ngoài

a) Tòa án nhân dân các cấp được thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính đã được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 303 Luật tố tụng hành chính năm 2015 nếu đương sự là người nước ngoài, công dân Việt Nam, cơ quan, tổ chức nước ngoài cư trú hoặc có trụ sở tại các nước không phản đối cách thức tổng đạt theo đường bưu chính.

b) Người nước ngoài cư trú tại nước không phản đối cách thức tổng đạt theo đường bưu chính bao gồm: công dân của nước không phản đối cách thức tổng đạt theo đường bưu chính, người không quốc tịch và công dân nước khác cư trú tại nước đó.

Danh sách các nước phản đối và không phản đối cách thức tổng đạt theo đường bưu chính được liệt kê tại Bảng số 4 và Bảng số 5 gửi kèm theo Công văn này.

2. Đối với việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự là công dân Việt Nam ở nước ngoài thông qua Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đang chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao soạn thảo Thông tư liên tịch quy định về việc phối hợp giữa Tòa án nhân dân và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc tổng đạt, thông báo, niêm yết công khai văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định tại Điều 474, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 303 của Luật tố tụng hành chính năm 2015. Trong khi Thông tư liên tịch này chưa được ban hành, Tòa án nhân dân các cấp thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự là công dân Việt Nam ở nước ngoài theo đường bưu chính đã được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hoặc điểm c khoản 1 Điều 303 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Trong trường hợp Tòa án không thể thực hiện được việc tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính, thì các Tòa án phải báo cáo ngay bằng văn bản với Tòa án nhân dân tối cao để Tòa án nhân dân tối cao thống nhất phương án giải quyết với Bộ Ngoại giao.

3. Chi phí tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính cho đương sự là người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài, công dân Việt Nam ở nước ngoài

3.1. Người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính cho người nước ngoài, công dân Việt Nam ở nước ngoài; cơ quan tổ chức nước

ngoài ở nước ngoài là đương sự được quy định tại Điều 152, Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 354, Điều 355 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

3.2. Chi phí tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính bao gồm:

a) Chi phí trả cho tổ chức bưu chính trong nước để Tòa án gửi văn bản tố tụng ra nước ngoài bằng dịch vụ bưu phẩm bảo đảm quốc tế có ký nhận của người nhận;

b) Chi phí dịch, công chứng bản dịch văn bản tố tụng và văn bản khác (nếu có) ra ngôn ngữ chính thức của nước nơi đương sự là người nước ngoài cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở hoặc ngôn ngữ khác được nước này chấp nhận.

4. Hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính cho người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài, công dân Việt Nam ở nước ngoài

4.1. Hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính cho người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài, công dân Việt Nam ở nước ngoài bao gồm:

a) Văn bản tố tụng cần được tổng đạt cho đương sự;

b) Văn bản thông báo cho đương sự cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án (nếu có);

c) Văn bản mà đương sự ở trong nước đề nghị Tòa án hỗ trợ gửi cho đương sự ở nước ngoài (nếu có).

4.2. Số lượng hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng là 02 bộ, trong đó Tòa án lưu 01 bộ vào hồ sơ vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Khi lập hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài, Tòa án phải ghi đầy đủ, chính xác họ, tên, địa chỉ của đương sự là cá nhân, tên gọi, địa chỉ trụ sở của đương sự là cơ quan, tổ chức theo giấy tờ, tài liệu xác thực thông tin nêu trên do người khởi kiện, người yêu cầu cung cấp cho Tòa án. Trong mọi trường hợp, Tòa án không được phiên âm ra tiếng Việt đối với họ, tên, địa chỉ ghi bằng tiếng nước ngoài của đương sự. Các văn bản nêu tại điểm a và điểm b Tiểu mục 4.1 Mục 4 Phần II của Công văn này do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính ký.

5. Dịch hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính cho người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài ở nước ngoài

Số lượng hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cần được dịch là 02 bộ, trong đó Tòa án

lưu 01 bộ vào hồ sơ vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Tòa án có trách nhiệm dịch hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng tại tổ chức dịch thuật theo đúng ngôn ngữ được liệt kê tại Bảng số 6 gửi kèm theo Công văn này. Chi phí dịch, công chứng bản dịch do người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt trả trực tiếp cho tổ chức dịch thuật hoặc do Tòa án trả từ khoản tiền tạm ứng mà người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt nộp cho Tòa án.

6. Gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính

Tòa án có trách nhiệm gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài theo dịch vụ bưu phẩm bảo đảm quốc tế có ký nhận của người nhận. Chi phí gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng do người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt nêu tại Mục 3 Phần II của Công văn này thanh toán trực tiếp với tổ chức bưu chính trong nước hoặc do Tòa án trả từ khoản tiền tạm ứng mà người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt nộp cho Tòa án.

Khi nhận được Công văn này, Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu các đồng chí Chánh án Tòa án nhân dân các cấp tổ chức quán triệt Thông tư liên tịch số 12/2016 trong cơ quan, đơn vị mình để bảo đảm thực hiện nghiêm túc và thống nhất.

Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc, Tòa án nhân dân các cấp phản ánh bằng văn bản về Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế, 262 Đội Cấn, Hà Nội) để Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời.

Đối với thông tin tại Phần II của Công văn này, Tòa án nhân dân tối cao cung cấp thêm để Tòa án nhân dân các cấp nghiên cứu, tham khảo khi thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 303 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Trường hợp cần thêm thông tin chi tiết, Tòa án nhân dân các cấp có thể liên hệ với Phòng nghiên cứu pháp luật quốc tế của Vụ Hợp tác quốc tế, Tòa án nhân dân tối cao thông qua hộp thư điện tử: vkxxx.quocte@toaan.gov.vn hoặc điện thoại: 04.37623036; 0976437814 (đồng chí Lê Mạnh Hùng)/.

Nơi nhận

- Như trên;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Các đ/c PCA TANDTC (để phối hợp chỉ đạo);
- Các đ/c Thẩm phán TANDTC (để biết);
- Các Vụ Giám đốc, Kiểm tra I, II, III, Vụ PC và QLKH, TANDTC (để biết);
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC (để đăng);
- Tạp chí Tòa án nhân dân (để đăng);
- Lưu: VT, VHTQT (TANDTC).

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**

Nguyễn Thúy Hiền

BẢNG SỐ 1**DANH SÁCH CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT GIẤY TỜ**

TÊN NƯỚC		TÊN NƯỚC	
1.	An-ba-ni (Albania)	37.	Lúc-xăm-bua (Luxembourg)
2.	An-ti-go-a và Bắc-bu-đa (Antigua and Barbuda)	38.	Lít-va (Lithuania)
3.	Ác-mê-ni-a (Armenia)	39.	Liên bang Nga (Russian Federation)
4.	Ai-xơ-len (Iceland)	40.	Ma-la-uy (Malawi)
5.	Ai-len (Ireland)	41.	Ma-rốc (Morocco)
6.	Ác-hen-ti-na (Argentina)	42.	Môn-đô-va (Moldova)
7.	Ả Rập Ai Cập (Egypt)	43.	Ma-xê-đô-ni-a (Macedonia)
8.	Ấn Độ (India)	44.	Man-ta (Malta)
9.	Bun-ga-ri (Bulgaria)	45.	Mê-hi-cô (Mexico)
10.	Ba Lan (Poland)	46.	Mô-na-cô (Monaco)
11.	Bồ Đào Nha (Portugal)	47.	Môn-tê-nê-grô (Montenegro)
12.	Ba-ha-mát (Bahamas)	48.	Na Uy (Norway)
13.	Bác-ba-đốt (Barbados)	49.	Nhật Bản (Japan)
14.	Bê-la-rút (Belarus)	50.	Ôt-xtrây-li-a (Australia)
15.	Bỉ (Belgium)	51.	Pa-ki-xtan (Pakistan)
16.	Bê-li-xê (Belize)	52.	Pháp (France)
17.	Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-na	53.	Ru-ma-ni (Romania)

	(Bosnia and Herzegovina)		
18.	Bốt-xoa-na (Botswana)	54.	Síp (Cyprus)
19.	Ca-na-đa (Canada)	55.	Séc (Czech Republic)
20.	Cô-lôm-bi-a (Colombia)	56.	Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey)
21.	Cốt-xta-ri-ca (Costa Rica)	57.	Tây Ban Nha (Spain)
22.	Ca-dắc-xtan (Kazakhstan)	58.	Thụy Điển (Sweden)
23.	Cô-oét (Kuwait)	59.	Trung Quốc (China)
24.	Cờ-roát-ti-a (Croatia)	60.	Thụy sỹ (Switzerland)
25.	Đức (Germany)	61.	U-crai-na (Ukraine)
26.	Đan Mạch (Denmark)	62.	Vương quốc Anh (United Kingdom)
27.	Ex-tô-ni-a (Estonia)	63.	Việt Nam
28.	Hà Lan (Netherlands)	64.	Vê-nê-du-ê-la (Venezuela)
29.	Hàn Quốc (Korea)	65.	Xây-sen (Seychelles)
30.	Phần Lan (Finland)	66.	Xlô-ve-ni-a (Slovenia)
31.	Hy Lạp (Greece)	67.	Xlô-va-ki-a (Slovakia)
32.	Hung-ga-ri (Hungary)	68.	Xéc-bi-a (Serbia)
33.	Hoa Kỳ (United States of America)	69.	Xanh-vin-xen và Grê-na-din (Saint Vincent and the Grenadines)
34.	I-xra-en (Israel)	70.	Xan-ma-ri-nô (San Marino)
35.	I-ta-li-a (Italy)	71.	Xri-lan-ca (Sri Lanka)

36.	Lát-vi-a (Latvia)		
-----	-------------------	--	--

(Danh sách này được dịch từ tài liệu chính thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế (<https://www.hcch.net/en/instruments>).

BẢNG SỐ 2

DANH SÁCH CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT GIẤY TỜ KHÔNG THU CHI PHÍ TỔNG ĐẠT

TÊN NƯỚC		TÊN NƯỚC	
1	Ác-hen-ti-na (Argentina)	16	Cô-oét (Kuwait)
2	Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-na (Bosnia and Herzegovina)	17	Lát-vi-a (Latvia)
3	Bun-ga-ri (Bulgaria)	18	Liên bang Nga (Russian Federation)
4	Trung Quốc (China)	19	Xlô-ve-ni-a (Slovenia)
5	Trung Quốc (Ma Cao)	20	Tây Ban Nha (Spain)
6	Cò-roát-ti-a (Croatia)	21	Xri-lan-ca (Sri Lanka)
7	Séc (Czech Republic)	22	Thụy Điển (Sweden)
8	Đan Mạch (Denmark)	23	Thụy sỹ (Switzerland)
9	Phần Lan (Finland)	24	Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey)
10	Đức (Germany)	25	U-crai-na (Ukraine)
11	Hung-ga-ri (Hungary)	26	Vương quốc Anh (United Kingdom)
12	Ấn Độ (India)	27	Vê-nê-du-ê-la (Venezuela)
13	Ai-len (Ireland)	28	Ba Lan (Poland)

14	I-xra-en (Israel)	29	Na Uy (Norway)
15	I-ta-li-a (Italy)	30	Xlô-va-ki-a (Slovakia)

Ghi chú: Các nước nêu trên không thu chi phí tổng đạt nếu thực hiện việc tổng đạt theo phương thức thông thường được quy định trong pháp luật của các nước này.

Các nước: Lát-vi-a, Xlô-va-ki-a, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Vương Quốc Anh không thu chi phí thực hiện việc tổng đạt, trừ trường hợp Việt Nam yêu cầu tổng đạt theo một phương thức cụ thể khác với quy định của pháp luật các nước này.

(Danh sách này được dịch từ tài liệu chính thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế (<https://www.hcch.net/en/instruments>)).

BẢNG SỐ 3

DANH SÁCH CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT GIẤY TỜ CÓ THU CHI PHÍ TỔNG ĐẠT

TT	TÊN NƯỚC	MỨC THU	CÁCH THANH TOÁN	GHI CHÚ
1	Xan-ma-ri-nô (San Marino)	50 Euro	Trả trước vào tài khoản ngân hàng Ufficio Registro e Ipoteche della Repubblica di San Marino Via 28 Luglio n. 196 47893 Borgo Maggiore Repubblica di San Marino SWIFT CODE: ICSMSMSMXXX IBAN SM44 A032	Chứng từ thanh toán gửi kèm hồ sơ tổng đạt

			2509 8000 0001 0005 403	
2	Hoa Kỳ (United States)	95 Đô la Mỹ	Trả trước vào tài khoản của Công ty ABC Tên ngân hàng: Wells Fargo Bank Số tài khoản: 2007107119 Swift/IBAN Code: WFBIUS6S	Chứng từ thanh toán gửi kèm hồ sơ tổng đạt Ghi chú: tên cá nhân hoặc tên doanh nghiệp cần được tổng đạt
3	Ba-ha-mát (Bahamas)	80 Đô la Ba-ha-mát; nếu địa chỉ sai phải tìm kiếm: 160 Đô la Ba-ha-mát.		
4	Ca-na-đa (Canada)	100 Đô la Ca-na-đa	Trả trước bằng tiền mặt hoặc séc	
5	Lít-va (Lithuania)	110 Euro	Trả trước vào tài khoản ngân hàng của Chamber of Judicial Officers of Lithuania Địa chỉ: Konstitucijos Ave. 15, LT-09319 Vilnius, Republic of Lithuania	Số tài khoản: LT92 4010 0424 0031 5815, AB “DnB bankas”, bank code 40100

6	Síp (Cyprus)	21 Euro	Trả trước vào tài khoản ngân hàng của Bộ Tư pháp và Trật tự công:	Số tài khoản: 6001017; IBAN: CY21 0010 0001 0000 0000 0600 1017 Swift Code: CBCYCY2N
7	Hy Lạp (Greece)	50 Euro	Trả trước vào tài khoản ngân hàng	
8	Ôt-xtrây-li-a (Australia)			
	Tiểu bang New South Wales	65 Đô la Úc	Trả sau cho Tòa án tối cao tiểu bang New South Wales	
	Tiểu bang Victoria	32 đô la Úc	Trả sau	
	Tiểu bang miền Tây (Western Australia)	120 Đô la Úc	Trả sau	
	Vùng lãnh thổ Thủ đô	289 Đô la Úc	Trả sau	
	4 tiểu bang và vùng lãnh thổ còn lại của Ôt-xtrây-li-a		Trả sau	
9	E-xtô-ni-a	30 - 60 Euro	Trả sau	Chỉ thu chi phí này trong trường hợp việc tổng đạt do Thừa phát

				lại thực hiện
10	Pháp (France)	50 Euro	Trả trước	Chỉ thu chi phí này trong trường hợp việc tổng đạt do Thừa phát lại thực hiện
11	Nhật Bản (Japan)	1800 Yên Nhật đến 4200 Yên Nhật	Trả sau	Chỉ thu chi phí này trong trường hợp việc tổng đạt do nhân viên được Tòa án ủy quyền thực hiện
12	Lúc-xăm-bua (Luxembourg)	50 Euro Chưa kể chi phí đi lại và tiền thuế VAT 12%.		Chỉ thu chi phí này trong trường hợp việc tổng đạt do Thừa phát lại thực hiện
13	Xi-lô-va-ki-a (Slovakia)		Trả sau	Chỉ thu chi phí trong trường hợp việc tổng đạt bằng phương thức cụ thể theo yêu cầu của nước đề nghị tổng đạt văn bản.
14	Thụy Điển (Sweden)			Chỉ thu chi phí trong trường hợp tổng đạt bằng phương thức cụ thể theo yêu cầu của nước đề nghị tổng đạt văn bản
15	Bỉ (Belgium)		Trả sau	Chỉ thu chi phí trong trường hợp việc tổng

				đạt phải thuê nhân công tổng đạt.
16	Trung Quốc			Thu chi phí theo nguyên tắc có đi có lại.
17	Hàn Quốc (Korea)			Chỉ thu chi phí trong trường hợp phải thuê nhân công hoặc thực hiện bằng phương thức cụ thể theo yêu cầu của nước đề nghị tổng đạt văn bản
18	Lát-vi-a (Latvia)		Trả sau	Chỉ thu chi phí trong trường hợp thực hiện bằng phương thức cụ thể theo yêu cầu của nước đề nghị tổng đạt văn bản.
19	Mê-hi-cô (Mexico)			
20	Thụy sỹ (Switzerland)			Chỉ thu chi phí trong trường hợp thực hiện bằng phương thức cụ thể theo yêu cầu của nước đề nghị tổng đạt văn bản.
21	Vương quốc Anh (United Kingdom)			Chỉ thu chi phí trong trường hợp thực hiện bằng phương thức cụ thể theo yêu cầu của

				nước đề nghị tổng đạt văn bản.
22	Mô-na-cô (Monaco)			Chỉ thu chi phí trong trường hợp việc tổng đạt do Thừa phát lại thực hiện
23	Hà Lan (Netherlands)			Chỉ thu chi phí trong trường hợp việc tổng đạt do Thừa phát lại thực hiện
24	Bồ Đào Nha (Portugal)			Chỉ thu chi phí trong trường hợp việc tổng đạt do người đại diện hoặc luật sư thực hiện

(Danh sách này được dịch từ tài liệu chính thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế (<https://www.hcch.net/en/instruments>).

BẢNG SỐ 4

DANH SÁCH CÁC NƯỚC PHẢN ĐỐI VIỆC TỔNG ĐẠT THEO ĐƯỜNG BƯU CHÍNH CHO ĐƯƠNG SỰ CƯ TRÚ HOẶC CÓ TRỤ SỞ TẠI NƯỚC ĐÓ

TÊN NƯỚC		TÊN NƯỚC	
1.	Bun-ga-ri (Bulgaria)	16.	Cô-oét (Kuwait)
2.	Hung-ga-ri (Hungary)	17.	Lít-va (Lithuania)
3.	Trung Quốc (China)	18.	Man-ta (Malta)
4.	Séc (Czech Republic)	19.	Mê-hi-cô (Mexico)
5.	Xlô-va-ki-a (Slovakia)	20.	Mô-na-cô (Monaco)

6.	Ba Lan (Poland)	21.	Môn-tê-nê-grô (Montenegro)
7.	Liên bang Nga (Russian Federation)	22.	Na Uy (Norway)
8.	U-crai-na (Ukraine)	23.	Môn-đô-va (Moldova)
9.	Ác-hen-ti-na (Argentina)	24.	Xan-ma-ri-nô (San Marino)
10.	Cò-roát-ti-a (Croatia)	25.	Xéc-bi-a (Serbia)
11.	Ả Rập Ai Cập (Egypt)	26.	Xri-lan-ca (Sri Lanka)
12.	Đức (Germany)	27.	Thụy sỹ (Switzerland)
13.	Hy Lạp (Greece)	28.	Ma-xê-đô-ni-a (Macedonia)
14.	Ấn Độ (India)	29.	Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey)
15.	Hàn Quốc (Korea)	30.	Vê-nê-du-ê-la (Venezuela).

(Danh sách này được dịch từ tài liệu chính thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế (<https://www.hcch.net/en/instruments>).

BẢNG SỐ 5

**DANH SÁCH CÁC NƯỚC KHÔNG PHẢN ĐỐI VIỆC TỔNG ĐẠT THEO ĐƯỜNG
BUU CHÍNH CHO ĐƯƠNG SỰ CƯ TRÚ HOẶC CÓ TRỤ SỞ TẠI NƯỚC ĐÓ**

	TÊN NƯỚC		TÊN NƯỚC
1.	An-ba-ni (Albania)	23.	I-xra-en (Israel)
2.	An-ti-go-a và Bắc-bu-đa (Antigua and Barbuda)	24.	I-ta-li-a (Italy)
3.	Ác-mê-ni-a (Armenia)	25.	Nhật Bản (Japan)
4.	Ôt-xtrây-li-a (Australia)	26.	Ca-dắc-xtan (Kazakhstan)

5.	Ba-ha-mát (Bahamas)	27.	Lát-vi-a (Latvia)
6.	Bác-ba-đốt (Barbados)	28.	Lúc-xăm-bua (Luxembourg)
7.	Bê-la-rút (Belarus)	29.	Ma-la-uy (Malawi)
8.	Bỉ (Belgium)	30.	Ma-rốc (Morocco)
9.	Bê-li-xê (Belize)	31.	Hà Lan (Netherlands)
10.	Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-na (Bosnia and Herzegovina)	32.	Pa-ki-xtan (Pakistan)
11.	Bốt-xoa-na (Botswana)	33.	Bồ Đào Nha (Portugal)
12.	Ca-na-đa (Canada)	34.	Ru-ma-ni (Romania)
13.	Cô-lôm-bi-a (Colombia)	35.	Xanh-vin-xen và Grê-na-din (Saint Vincent and the Grenadines)
14.	Hồng Kông (Trung Quốc)	36.	Xây-sen (Seychelles)
15.	Ma Cao (Trung Quốc)	37.	Xlô-ve-ni-a (Slovenia)
16.	Síp (Cyprus)	38.	Tây Ban Nha (Spain)
17.	Đan Mạch (Denmark)	39.	Thụy Điển (Sweden)
18.	Ex-tô-ni-a (Estonia)	40.	Vương quốc Anh (United Kingdom)
19.	Phần Lan (Finland)	41.	Hoa Kỳ (United States of America).
20.	Pháp (France)		
21.	Ai-xơ-len (Iceland)		
22.	Ai-len (Ireland)		

BẢNG SỐ 6

**DANH SÁCH NGÔN NGỮ CÁC NƯỚC KHÔNG PHẢN ĐỐI VIỆC TỔNG ĐẠT
THEO ĐƯỜNG BƯU CHÍNH (DÙNG ĐỂ DỊCH HỒ SƠ TỔNG ĐẠT)**

TT	TÊN NƯỚC	NGÔN NGỮ CHÍNH THỨC	NGÔN NGỮ ĐƯỢC CHẤP NHẬN	GHI CHÚ
1.	An-ba-ni (Albania)	Tiếng An-ba-ni		
2.	An-ti-go-a và Bắc-bu-đa (Antigua and Barbuda)	Tiếng Anh		
3.	Ác-mê-ni-a (Armenia)	Tiếng Ác-mê-ni-a		
4.	Ôt-xtrây-li-a (Australia)	Tiếng Anh		
5.	Ba-ha-mát (Bahamas)	Tiếng Anh		
6.	Bác-ba-đốt (Barbados)	Tiếng Anh		
7.	Bê-la-rút (Belarus)	Tiếng Bê-la-rút và tiếng Nga		
8.	Bỉ (Belgium)	Tiếng Hà Lan, Pháp và Đức		
9.	Bê-li-xê (Belize)	Tiếng Anh và Tây Ban Nha		
10.	Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-na (Bosnia and Herzegovina)	Tiếng Croatia, Xéc-bi, Bô-xni-a		
11.	Bốt-xoa-na (Botswana)	Tiếng Anh		

12.	Ca-na-đa (Canada)	Tiếng Anh, tiếng Pháp		Tỉnh Quê-bếch (Quebec): tiếng Pháp
13.	Cô-lôm-bi-a (Colombia)	Tiếng Tây Ban Nha		
14.	Hồng Kông (Trung Quốc)	Tiếng Trung Quốc (Quảng Đông và Quan Thoại), tiếng Anh		
15.	Ma Cao (Trung Quốc)	Tiếng Trung Quốc (Quảng Đông)	Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Anh	
16.	Síp (Cyprus)	Tiếng Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ	Tiếng Anh	
17.	Đan Mạch (Denmark)	Tiếng Đan Mạch		
18.	Ex-tô-ni-a (Estonia)	Tiếng E-xtô-ni-a		
19.	Phần Lan (Finland)	Tiếng Phần Lan		
20.	Pháp (France)	Tiếng Pháp		
21.	Ai-xơ-len (Iceland)	Tiếng Ai-xơ-len	Tiếng Anh và Đức	
22.	Ai-len (Ireland)	Tiếng Anh và tiếng Ai- len		
23.	I-xra-en (Israel)	Tiếng Do Thái, tiếng Ả- rập	Tiếng Anh	

24.	I-ta-li-a (Italy)	Tiếng I-ta-li-a		
25.	Nhật Bản (Japan)	Tiếng Nhật		
26.	Ca-dắc-xtan (Kazakhstan)	Tiếng Ca-dắc	Tiếng Nga	
27	Lát-vi-a (Latvia)	Tiếng Lát-vi-a		
28	Lúc-xăm-bua (Luxembourg)	Tiếng Lúc-xăm-bua, Pháp, Đức	Tiếng Anh	
29.	Ma-la-uy (Malawi)	Tiếng Anh và Chichewa		
30.	Ma-rốc (Morocco)	Tiếng A-rập	Tiếng Béc-be và tiếng Pháp	
31.	Hà Lan (Netherlands)	Tiếng Hà Lan	Tiếng Anh	
32.	Pa-ki-xtan (Pakistan)	Tiếng U-đu	Tiếng Anh	
33.	Bồ Đào Nha (Portugal)	Tiếng Bồ Đào Nha		
34.	Ru-ma-ni (Romania)	Tiếng Ru-ma-ni		
35.	Xanh-vin-xen và Grê-na-đin (Saint Vincent and the Grenadines)	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	
36.	Xây-sen (Seychelles)	Tiếng Anh, tiếng Pháp		
37.	Xi-lô-ve-ni-a (Slovenia)	Tiếng Xi-lô-ven		
38.	Tây Ban Nha (Spain)	Tiếng Tây Ban Nha		
39.	Thụy Điển (Sweden)	Tiếng Thụy Điển	Tiếng Anh	

40.	Vương quốc Anh (United Kingdom)	Tiếng Anh		
41.	Hoa Kỳ (United States of America).	Tiếng Anh		

Danh sách này được lập từ thông tin chính thức tại Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (www.chinhphu.vn) và Bộ Ngoại giao (www.mofa.gov.vn).